



| STT  | Chỉ tiêu sử dụng đất             | Mã  | Tổng diện tích | Diện tích phân theo đơn vị hành chính |                  |               |              |           |           |              |           |              |            |          |                 |             |             |               |
|------|----------------------------------|-----|----------------|---------------------------------------|------------------|---------------|--------------|-----------|-----------|--------------|-----------|--------------|------------|----------|-----------------|-------------|-------------|---------------|
|      |                                  |     |                | Thị trấn Tri Tôn                      | Thị trấn Ba Chúc | Thị trấn Côtô | Xã Lương Phi | Xã Núi Tô | Xã Lê Trì | Xã Châu Lăng | Xã An Túc | Xã Tân Tuyến | Xã Tà Đảnh | Xã Ô Lâm | Xã Lương An Trà | Xã Vĩnh Gia | Xã Lạc Quới | Xã Vĩnh Phước |
| 2.18 | Đất cơ sở tín ngưỡng             | TIN | 3,82           |                                       | 1,07             | 0,69          | 0,05         |           |           | 0,02         |           | 0,18         |            |          |                 | 0,31        | 1,51        |               |
| 2.19 | Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối | SON | 40,41          |                                       |                  |               |              |           |           |              |           |              | 40,41      |          |                 |             |             |               |
| 2.20 | Đất có mặt nước chuyên dùng      | MNC | 114,73         |                                       |                  |               | 34,78        | 47,11     |           |              |           |              |            | 32,85    |                 |             |             |               |
| 2.21 | Đất phi nông nghiệp khác         | PNK |                |                                       |                  |               |              |           |           |              |           |              |            |          |                 |             |             |               |
| 3    | Đất chưa sử dụng                 | CSD | 577,33         |                                       |                  | 145,36        |              | 280,11    |           |              | 151,86    |              |            |          |                 |             |             |               |